

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ CÔNG TÁC THỰC HÀNH SỰ PHẠM ĐỐI VỚI SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG SỰ PHẠM TRUNG ƯƠNG

○ ThS. VŨ THỊ HÒA*

Trong chiến lược phát triển giáo dục mầm non (MN) 2010-2015, việc tìm ra các biện pháp nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên (GV), tạo động lực cho sự phát triển giáo dục MN được đặt ở vị trí rất quan trọng, bởi lẽ GV là yếu tố quyết định thành công mục tiêu về nâng cao chất lượng chăm sóc - giáo dục (CS-GD) trẻ, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục MN đồng bộ với đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay.

Trong những năm qua, công tác đào tạo (ĐT) giáo viên mầm non (GVMN) nói chung, ở Trường CĐSPTW nói riêng, đã có những thành tích đáng kể. Đối với trường CĐSPTW, vấn đề hiện rất được quan tâm là giải quyết tốt mối quan hệ giữa nâng cao trình độ lý thuyết và kỹ năng thực hành sự phạm (THSP) cho sinh viên (SV); trong đó có việc quản lý (QL) công tác THSP sao cho hiệu quả.

1. Thực trạng QL công tác THSP đối với SV Trường CĐSPTW

1.1. Thực trạng các cơ sở THSP của SV CĐMN Trường CĐSPTW

Các trường mầm non thực hành (MNTH) luôn thực hiện nhiệm vụ kép: nâng cao chất lượng CS-GD trẻ theo yêu cầu đổi mới của GDMN và hướng dẫn THSP, ĐT nghề cho SV.

Về chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ: 100% số trẻ được ăn tại trường; bữa ăn thường xuyên được cải tiến, đảm bảo thực đơn theo tuần, theo mùa, đảm bảo định lượng calo theo độ tuổi và cân đối các chất; chú ý tới vệ sinh an toàn thực phẩm. Việc thực hiện chương trình CS-GD trẻ theo độ tuổi được chú trọng: 100% số trường, lớp MN thực hiện chương trình CS-GD trẻ theo quyết định ban hành của Bộ GD-ĐT.

Về chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL): Đội ngũ CBQL của các trường MNTH tuy 100% là nữ nhưng là những người đã trải qua công tác nhiều năm, dày dặn trong nghề nghiệp, có trình

độ sự phạm nhất định, có phẩm chất chính trị tốt, hầu hết là đảng viên. Trong số 7 hiệu trưởng, số có trình độ ĐH là 2 (28,6%), trình độ trên ĐH: 5 (21,4%). Trong số 11 phó hiệu trưởng, số có trình độ ĐH là 6 (54,5%), trình độ trên ĐH: 3 (27,3%), chỉ có 2 người trình độ CĐ (18,2%). Như vậy, trình độ chuyên môn của CBQL đạt chuẩn và trên chuẩn, trong đó trên đại học là 44,4%. Đội ngũ này có uy tín với cán bộ GV trong ngành, phụ huynh học sinh và SV sự phạm; có phong cách QL, có tri thức về nội dung QL, có kỹ năng lãnh đạo đội ngũ sự phạm của nhà trường, tổ chức tốt các hoạt động THSP cho SV. uy nhiên, số CBQL nhìn chung đã lớn tuổi nên phần nào hạn chế sự năng động.

Đội ngũ GVMN các trường thực hành không ngừng nâng cao về chất lượng ổn định về số lượng (xem bảng).

Bảng. Kết quả điều tra trình độ chuyên môn của GVMN các trường MNTH

Nhóm - lớp	Tổng số người	Sơ cấp		Trung cấp		CĐ và ĐH		Trên ĐH	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Nhà trẻ	40	2	0,5	14	35,0	24	60,0	0	0,0
Mẫu giáo	218	0	0,0	22	10,09	195	89,44	1	0,46

Có thể thấy: trình độ GV đạt chuẩn và trên chuẩn cao, đa số GV trẻ, tiếp thu chương trình đổi mới nhanh, linh hoạt trong việc áp dụng các phương pháp giáo dục trẻ theo tinh thần đổi mới của GDMN. Tuy nhiên, một số GV nhiều tuổi, sức ỳ lớn. Những GV trẻ mới ra trường kinh nghiệm hướng dẫn SV THSP còn hạn chế.

Về cơ sở vật chất (CSVCh): các cơ sở MNTH trực thuộc phòng GD-ĐT quận Cầu Giấy (Hà Nội) được quan tâm đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp, trang bị đồ dùng, đồ chơi phù hợp với yêu cầu giáo dục trẻ và tạo điều kiện cho SV TH. Hàng năm, Trường CĐSPTW đều có kế hoạch hỗ trợ kinh phí cho mỗi trường để mua sắm trang

* Trường Cao đẳng sự phạm trung ương

thiết bị, đồ dùng dạy học phục cho công tác THSP của SV. Nhìn chung CSVC của các trường MNTH đã đáp ứng được yêu cầu CS-GD trẻ và phục vụ cho hoạt động THSP của SV.

Từ thực trạng trên, chúng tôi nhận thấy: các trường đều đủ điều kiện về đội ngũ, chất lượng CS-GD. Tuy vậy, cần phải xây dựng thêm trường MNTH để giảm số lượng SV thực hành trong một nhóm lớp MN; thường xuyên có kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ GVMN, bổ sung CSVC cho các cơ sở thực hành để nâng cao chất lượng THSP cho SV.

1.2. Thực trạng nội dung, quy trình, hình thức tổ chức THSP. THSP của SV tại các cơ sở MNTH được chia làm 4 giai đoạn: 1) Thời gian 2 tuần vào học kì II nhằm giúp SV hiểu biết một cách tổng quát về trường MN, hình thành cho SV tình yêu nghề nghiệp, có động cơ học tập đúng đắn; 2) Thời lượng 4 tuần vào học kì III: cung cấp cho SV những hiểu biết chuyên sâu về các bộ môn phương pháp và các hoạt động CS-GD trẻ, hình thành cho SV những kĩ năng CS-GD trẻ; giáo dục SV tình yêu trẻ, yêu nghề; 3) Thời gian 4 tuần vào học kì V và đầu học kì VI: cung cấp cho SV những kiến thức thực hành (các tiết học mẫu, trò chơi, chế độ sinh hoạt, vệ sinh, các hình thức CS-GD trẻ ngoài giờ học theo từng bộ môn). SV tập làm cô giáo MN, củng cố các kĩ năng CS-GD trẻ đã thực hiện ở THSP giai đoạn III, chuẩn bị làm GVMN thực sự ở học phần «Thực tập tốt nghiệp» (10 tuần). Hình thành cho SV kĩ năng tổ chức hoạt động sư phạm, phân tích, đánh giá các quá trình sư phạm một cách khoa học (chuẩn bị, tổ chức thực hiện, tự đánh giá kết quả TH). Hình thành cho SV các kĩ năng của GVMN trong tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ. Giúp SV thâm nhập học tập kinh nghiệm thực tế các phong trào giáo dục được tổ chức ở trường, lớp MN. Giáo dục cho SV những phẩm chất đạo đức của người GVMN.

Quy trình THSP: Trước khi SV xuống các cơ sở TH, cán bộ phụ trách TH của Trường CDSPTW lên kế hoạch phân công SV TH ở từng cơ sở; cán bộ phụ trách TH từng cơ sở căn cứ vào số lượng SV, số lớp MN, độ tuổi SV TH, yêu cầu từng đợt thực hành để phân SV vào các nhóm, lớp; ban cán sự lớp liên hệ với cô phụ trách TH ở cơ sở được phân công thực hành lấy danh sách, kế hoạch tập tổ chức các hoạt động CS-GD trẻ; SV xuống trường MN, vào các nhóm lớp lấy tên bài dạy về soạn giáo án, sau đó cán sự bộ môn chuyển giáo án tới GVSP hướng dẫn duyệt.

Để biết được sự hợp lí của nội dung, quy trình, hình thức tổ chức THSP cho SV, chúng tôi đưa ra các câu hỏi trung cầu ý kiến của 28 CBQL, 288 GVSP và GVMN tại các CSTH. Kết quả cho thấy: về nội dung THSP: 28,6% CBQL cho là hợp lí, 32,1% cho là bình thường, còn lại 39,3% cho rằng chưa hợp lí; 20,8% GVMN cho rằng nội dung THSP của SV đã hợp lí, 32,3% đánh giá bình thường, 46,9% cho rằng cần phải đưa thêm nội dung THSP cho SV.

Qua nghiên cứu, chúng tôi cũng thấy rằng thời gian qua, nội dung THSP của SV mới chỉ chú ý đến tham quan trường MN, kiến tập các hoạt động CS-GD trẻ, tập soạn giáo án, tập tổ chức các tiết dạy, hoạt động vui chơi, chăm sóc vệ sinh cho trẻ; chứ chưa chú ý đến các nội dung: nghiên cứu sự phát triển của trẻ qua các độ tuổi; QL nhóm lớp MN; thảo luận các nội dung THSP; viết thu hoạch sau mỗi đợt thực hành (giai đoạn 1 có yêu cầu SV viết nhưng chưa đánh giá).

1.3. Thực trạng QL công tác THSP đối với SV Trường CDSPTW

Nhận thức của các đối tượng tham gia công tác THSP. Kết quả điều tra nhận thức của 28 CBQL, 30 GVSP, 258 GVMN và 315 SV về vai trò tầm quan trọng của công tác THSP cho thấy đa số CBQL, GVSP, GVMN và SV đều nhận thức rằng công tác THSP của SV tại các cơ sở TH là quan trọng: CBQL tỉ lệ 46,4%, GVSP tỉ lệ 30%, GVMN tỉ lệ 27,5%, SV tỉ lệ 56,5% và rất quan trọng: CBQL tỉ lệ 53,6%, GVSP tỉ lệ 70%, GVMN tỉ lệ 72,5%, SV tỉ lệ là 43,5%. Tuy nhiên, qua nghiên cứu thực tiễn chúng tôi thấy giữa nhận thức và hoạt động của các đối tượng tham gia công tác THSP còn nhiều bất cập. Biểu hiện: CBQL chưa đầu tư tìm ra các biện pháp QL nhằm nâng cao chất lượng THSP; GVSP còn ngại hướng dẫn SV thực hành bởi lẽ duyệt kế hoạch THSP cho SV là một công việc nhàm chán hơn các công việc khác của giảng viên; chế độ đãi ngộ việc duyệt kế hoạch, chấm điểm SV TH thường thấp hơn nhiều so với các công việc khác (như: lên lớp giảng bài, chấm thi...); tâm huyết với công tác này sẽ mất rất nhiều thời gian của giảng viên về thâm nhập thực tiễn, cập nhật các kiến thức đổi mới GDMN đang diễn ra tại các trường MN. GVMN CS-GD trẻ ở lớp hàng ngày rất bận rộn, bồi dưỡng định mức lao động cho việc duyệt giáo án và hướng dẫn SV theo quy định hiện hành còn thấp. SV tuy nhận thức việc THSP tại các cơ sở TH là quan trọng cho

việc rèn luyện tay nghề nhưng chưa tự giác, tích cực, đầu tư vào việc lập kế hoạch CS-GD trẻ; việc chuẩn bị kế hoạch, đồ dùng đồ chơi phục vụ cho các hoạt động tập dạy thiếu chu đáo, chưa suy nghĩ cách giao tiếp với trẻ và cha mẹ trẻ, xử lý các tình huống sư phạm còn rất hạn chế.

Do vậy, chúng tôi thấy cần phải đổi mới nội dung đánh giá kết quả THSP của SV, không chỉ đánh giá việc tổ chức các hoạt động CS-GD trẻ mà phải đánh giá toàn diện. GVMN cùng GVSP đánh giá việc tổ chức các hoạt động CS-GD trẻ của SV tại lớp MN, GVSP đánh giá thu hoạch của SV sau mỗi đợt THSP, bài tập nghiên cứu trên trẻ và việc vận dụng những nghiên cứu đó vào CS-GD trẻ.

1.4. Thực trạng thực hiện các biện pháp QL công tác THSP

Tim hiểu vấn đề này chúng tôi đã đề nghị các CBQL ở cơ sở ĐT, cơ sở thực hành, GVSP và GVMN kể tên về các biện pháp đã sử dụng trong QL công tác THSP. Kết quả điều tra cho thấy: Trường CDSPTW đã sử dụng nhiều biện pháp khác nhau: 1) Xây dựng các cơ sở THSP; 2) Xây dựng chức năng nhiệm vụ cho từng thành viên trong BCD công tác THSP; 3) Hoàn thiện bộ máy QL công tác THSP; 4) Xây dựng quy trình THSP cho SV; 5) Xây dựng các văn bản hướng dẫn công tác THSP; 6) Kiểm tra đánh giá công tác THSP để QL công tác THSP. Do chức năng nhiệm vụ của thành viên tham gia công tác THSP nên mỗi người đứng ở một góc độ khác nhau biết về các biện pháp QL khác nhau.

Biện pháp xây dựng các cơ sở THSP sử dụng ở mức khá (74,7%), tốt (25,3%). Tuy nhiên, chất lượng thực hiện các biện pháp QL công tác THSP chưa đáp ứng được yêu cầu và chưa tương xứng với tầm quan trọng của nó. Mức độ làm tốt của các biện pháp ở tỉ lệ chưa cao (20,6%). Có 2 biện pháp được đánh giá ở mức trung bình với tỉ lệ dao động từ 6,6-44,6% ý kiến. Trong đó, biện pháp về xây dựng các văn bản hướng dẫn THSP tỉ lệ trung bình rất cao. Khi QL công tác THSP muốn đạt được hiệu quả cần phải lựa chọn các biện pháp tối ưu, các biện pháp này được tiến hành đồng bộ, biện pháp này là cơ sở là điều kiện cho biện pháp kia. Một biện pháp nào đó không được thực hiện tốt sẽ ảnh hưởng đến chất lượng của toàn bộ quá trình QL. Qua nghiên cứu thực tế, chúng tôi thấy rằng các văn bản hướng dẫn công tác THSP trong những năm qua mới

chỉ chú ý đến phân công chức năng nhiệm vụ cho các thành viên tham gia công tác THSP. Hệ thống biểu mẫu hướng dẫn về QL TH chưa được chú ý, chưa có sự thống nhất, hướng dẫn cụ thể, rõ ràng các biểu mẫu cho các cơ sở TH.

2. Đánh giá chung về QL công tác THSP

Công tác QL THSP của SV tại Trường CDSPTW những năm qua đã có rất nhiều nỗ lực, góp phần đáng kể vào việc nâng cao chất lượng ĐT SV: - Các CBQL công tác THSP đã nhận thức đúng đắn vị trí, vai trò của việc rèn luyện tay nghề cho SV nhằm nâng cao chất lượng ĐT, khẳng định vị thế của nhà trường. Đảng uỷ, Ban giám hiệu nhà trường quan tâm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Khoa GDMN và các CBQL trực tiếp công tác này hoàn thành nhiệm vụ. Ban giám hiệu cũng thường xuyên chỉ đạo phòng ĐT phối hợp chặt chẽ với Khoa và các cơ sở thực hành triển khai việc QL, giám sát, kiểm tra, đánh giá nghiêm túc việc thực hiện công tác THSP; - Đội ngũ QL công tác THSP của Khoa GDMN nắm chắc chủ trương của nhà trường, của Khoa về công tác thực hành, thực tập sư phạm cho SV. Đội ngũ cán bộ phụ trách, GVSP luôn cập nhật các thông tin đổi mới GDMN, nhiệt tình, năng động, sáng tạo vận dụng các kinh nghiệm trong lĩnh vực GDMN vào việc QL, hướng dẫn SV thực hành, thực tập sư phạm; - Các cơ sở thực hành đều là những trường MNTH có chất lượng về CS-GD trẻ, có kinh nghiệm trong việc rèn kĩ năng nghề cho SV.

Tuy nhiên: - Nhận thức và hoạt động của các đối tượng tham gia công tác THSP còn bất cập: một số SV chưa nhận thức đầy đủ về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc thực hiện học phần THSP; - Mạng lưới trường thực hành đã đáp ứng được về mặt chất lượng nhưng chưa đáp ứng được về mặt số lượng nhóm lớp nhà trẻ, mẫu giáo để SV thực hành (mỗi nhóm lớp MN thường có 4-5 SV TH); - Hệ thống văn bản quy định về QL THSP chưa hoàn thiện: chức năng nhiệm vụ cho từng thành viên tham gia công tác THSP không còn phù hợp với thực tế hiện nay; - Chưa xây dựng hoàn thiện nội dung, quy trình, hình thức tổ chức THSP theo hướng đổi mới QLGD và ĐT GVMN; - Kiểm tra việc QL, hướng dẫn SV tại các cơ sở TH chưa làm thường xuyên; - Đánh giá kết quả THSP của SV chưa toàn diện, chưa sát thực tế.

3. Nguyên nhân của thực trạng QL công tác THSP đối với SV CDMN Trường CDSPTW

1) Nhận thức và hành động của SV, GVSP và GVMN trong công tác THSP còn chưa đồng bộ.

Các GVSP đều hiểu đầu tư, làm tốt việc rèn luyện kỹ năng nghề cho SV tại các trường MNTH trong các đợt THSP là rất cần thiết, nhưng việc duyệt kế hoạch, dự giờ, đánh giá điểm cho SV mất quá nhiều thời gian mà định mức lao động cho công việc này lại quá thấp (chênh lệch quá nhiều so với giờ lên lớp tại giảng đường). SV, tuy hiểu việc rèn kỹ năng nghề cho mình là quan trọng nhưng một số em chưa tự giác tích cực, chưa cố gắng chuẩn bị kế hoạch, chuẩn bị đồ dùng đồ chơi cho việc thực hiện tổ chức các hoạt động CS-GD trẻ (một mặt do SV chưa xác định động cơ học tập đúng đắn, mặt khác có những bộ môn phương pháp chưa làm tốt phần thực hành trên tiết học tại trường sư phạm).

2) Khi chưa phân cấp QL về Khoa, công tác THSP của SV do phòng ĐT QL. Các cán bộ QL THSP hầu hết không có văn bằng về GDMN hoặc có nhưng chưa đạt chuẩn, không trải qua kinh nghiệm trực tiếp hướng dẫn SV tại các trường MNTH. Lực lượng cán bộ QL THSP đối với SV còn mỏng, kiêm nhiệm nhiều việc, không có chuyên môn sâu về GDMN do đó việc QL chỉ mang tính hành chính. Những văn bản hướng dẫn về QL THSP cho các cơ sở thường do các tổ chuyên môn soạn thảo, theo tính chất bộ môn, chưa mang tính khoa học của QL.

3) Nội dung THSP cũ của SV chỉ chú ý đến TH các hoạt động CS-GD trẻ tại các lớp MN; chưa có phần thực hành về công tác QL nhóm, lớp, theo dõi việc chăm sóc sức khỏe cho trẻ MN. Khi SV ra trường, thực sự làm cô giáo MN, các em lúng túng trong việc QL nhóm lớp, còn yếu về kỹ năng giao tiếp với cha mẹ trẻ, kỹ năng làm việc với hội cha mẹ học sinh của lớp. Sau toàn bộ quy trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm các em chưa có được thu hoạch toàn diện về công việc của cô giáo MN tại các nhóm, lớp.

Việc đánh giá kết quả THSP chưa toàn diện, do vậy tuy kết quả THSP của SV ngày càng cao nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Bởi lẽ, kết quả THSP của SV chủ yếu do GVMN các trường TH đánh giá là chính. Trong 6-8 đầu điểm mỗi đợt THSP của SV, GVSP chỉ có thể đánh giá được một đầu điểm. Mỗi đợt THSP thời lượng 3-4 tuần, SV có thời gian tương đối dài, tham gia các hoạt động của nhóm, lớp; phần nào các em đã gây được tình

cảm quý mến đối với GVMN, các cô giáo MN thường «thương» và nương nhẹ các em trong việc đánh giá kết quả TH dẫn kết quả các em đạt được chưa sát với thực tế. □

Tài liệu tham khảo

1. Bộ GD-ĐT. Một số vấn đề đổi mới giáo dục mầm non (Đề cương trình bày tại Hội nghị hướng dẫn triển khai chương trình bồi dưỡng chu kỳ 1998 - 2000), H 1995.
2. Bộ GD-ĐT. Dự thảo báo cáo về tình hình giáo dục mầm non (Tài liệu dành cho cuộc họp Ban chỉ đạo xây dựng báo cáo tình hình giáo dục), H 7/2004
3. Trần Khánh Đức. Quản lý và kiểm định chất lượng đào tạo theo ISO&TQM. NXB Giáo dục, H 2004.
4. Trường CĐSP Nhà trẻ - Mẫu giáo TW1. Tập văn bản quy định về quản lý.
5. Trường CĐSP Nhà trẻ - Mẫu giáo TW1. Một số kinh nghiệm đào tạo giáo viên mầm non và phát triển trẻ nhỏ ở Việt Nam và Singapore, tháng 8/2005.

Một số giải pháp...

(Tiếp theo trang 55)

Các trường dựa vào Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT để xây dựng định mức NCKH và chính sách khuyến khích giảng viên NCKH.

3) Sở KH-CN và Hội đồng khoa học tỉnh cần có quy chế hoạt động phối hợp và hỗ trợ các hội đồng khoa học của các CSĐT; đồng thời xem xét tham mưu, đề xuất UBND tỉnh phân bổ ngân sách NCKH cho từng trường theo kế hoạch đề tài nghiên cứu được phê duyệt của hội đồng khoa học trường và sự chấp thuận Hội đồng khoa học tỉnh.

4) Sở KH-CN và Hội đồng khoa học tỉnh nên xây dựng chiến lược NCKH của tỉnh, xác định các lĩnh vực, vấn đề cần nghiên cứu trong giai đoạn 5 năm; các doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước cần xác định lĩnh vực, vấn đề thuộc ngành quản lý để đặt hàng nghiên cứu và chuyển giao công nghệ cho các trường có tiềm năng nghiên cứu. □

Tài liệu tham khảo

1. Tỉnh ủy Kiên Giang. Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Kiên Giang lần IX. TP Rạch Giá, tháng 9/2010.
2. Báo cáo giám sát của đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Kiên Giang, số 35/BC-ĐĐBQH, ngày 12/3/2010.
3. Kỷ yếu hội thảo khoa học. "Công tác nghiên cứu khoa học trong các trường đại học, cao đẳng tỉnh Kiên Giang". TP Rạch Giá, tháng 7/2009.